

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÙNG LONG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÙNG LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG LONG TRANSPORT SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HUNG LONG SERVICES CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 3502450015

3. Ngày thành lập: 22/03/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 416 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0937881216

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
2.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
3.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
4.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
5.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
6.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
7.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
8.	Thu gom rác thải độc hại	3812
9.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
10.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
11.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
12.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
14.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
15.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
16.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
17.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
18.	Trồng lúa	0111
19.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
20.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
21.	Trồng cây mía	0114

22.	Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào	0115
23.	Trồng cây lấy sợi	0116
24.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
25.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
26.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
27.	Trồng cây điều	0123
28.	Trồng cây hồ tiêu	0124
29.	Trồng cây cao su	0125
30.	Trồng cây cà phê	0126
31.	Trồng cây chè	0127
32.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
33.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
34.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
35.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
36.	Chăn nuôi gia cầm	0146
37.	Chăn nuôi khác	0149
38.	Bán buôn thực phẩm	4632
39.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
40.	Giáo dục nhà trẻ	8511
41.	Giáo dục mẫu giáo	8512
42.	Đào tạo sơ cấp	8531
43.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
44.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
45.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
46.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
47.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
48.	Xây dựng công trình điện	4221
49.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
50.	Xây dựng nhà để ở	4101
51.	Xây dựng nhà không để ở	4102
52.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
53.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
54.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
55.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933(Chính)
56.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
57.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022

58.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
59.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
60.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
61.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
62.	Cho thuê xe có động cơ	7710
63.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
64.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
66.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
67.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
68.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
69.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
70.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
71.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
72.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
73.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
74.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
75.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
76.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
77.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
78.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN MINH HÙNG	416 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	1.000.000.000	50,000	077079000217	

2	NGUYỄN VĂN TRUNG	239/111 Lê Hồng Phong, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	1.000.000.000	50,000	273393751	
---	------------------------	---	---------------	--------	-----------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN MINH HÙNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *20/09/1979*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *077079000217*

Ngày cấp: *23/08/2019*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *416 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *416 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu